

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS AN SINH

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 – 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp7	Lớp8	Lớp9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	428	110	121	98	99
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	394 (92,06%)	100 (90,91%)	108 (89,26%)	92 (93,9%)	94 (95%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31 (7,24%)	10 (9,09%)	10 (8,26%)	6 (6,12%)	5 (5%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	03 (0,7%)	0	03 (2,48%)	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	428	110	121	98	99
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	44 (10,28%)	9 (8,18%)	14 (11,75%)	7 (7,14%)	14 (14,1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	214 (50,02%)	53 (48,18%)	56 (46,28%)	47 (48%)	58 (58,6%)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	170 (39,70%)	46 (41,42%)	48 (39,67%)	45 (5,1%)	27 (27,3%)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	428	110	121	98	99
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	428 (100%)	110 (100%)	121 (100%)	98 (100%)	99 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	01 (0,23%)	01 (0,91%)	0	0	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	44 (10,28%)	9 (8,18%)	14 (11,75%)	7 (7,14%)	14 (14,1%)
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	214 (50,02%)	0	0	47 (48%)	58 (58,6%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	08 (0,18%)	2 (0,045%)	2 (0,045%)	4 (0,09%)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	14/11	6/7	2/2	2/1	4/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	6	0	0	1	5
1	Cấp tỉnh	03	0	0	0	03
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	99	0	0	0	99
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	99	0	0	0	99
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	14 (14,1%)	0	0	0	14 (14,1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	58 (58,6%)	0	0	0	58 (58,6%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	27 (27,3%)	0	0	0	27 (27,3%)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	214/211	56/54	58/63	50/48	53/46
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	02	0	07	0	0

An Sinh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Kim Mai